

Số: 59/TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi:** - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS

- Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn – huyện Thọ Xuân – tỉnh Thanh Hoá

- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

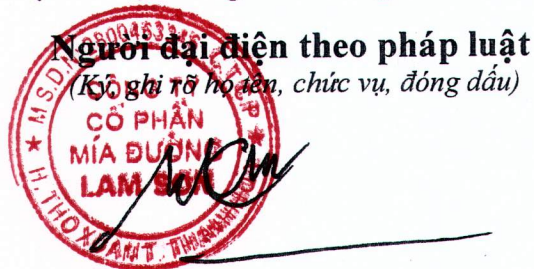
**Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ 01/07/2023 đến 30/06/2024; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/04/2024 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>,

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ 01/07/2023 đến 30/06/2024
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Lê Văn Tân*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2024

ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2024

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2023 ĐẾN 30/06/2024)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6 - 7
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.852.841.579.037</b>	<b>1.117.223.342.223</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.384.826.819</b>	<b>16.661.585.645</b>
1. Tiền	111		14.494.806.318	9.689.585.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.890.020.501	6.971.999.889
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.000.000.000	9.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>305.166.343.901</b>	<b>324.684.025.467</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	206.057.753.291	155.816.185.384
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	110.472.672.381	137.122.800.261
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	29.953.205.445	66.643.678.806
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(41.317.287.216)	(34.898.638.984)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.482.804.585.749</b>	<b>759.829.691.042</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.494.404.800.860	763.837.948.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(11.600.215.111)	(4.008.257.511)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.485.822.568</b>	<b>7.048.040.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	14.708.880.753	4.479.760.208
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		452.450.514	2.048.178.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	324.491.301	520.101.460
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.388.450.187.214</b>	<b>1.424.838.936.096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.909.102.375</b>	<b>9.802.830</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		32.931.602.375	32.302.830
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>850.492.219.574</b>	<b>965.439.097.820</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	805.872.555.675	919.178.298.460
<i>Nguyên giá</i>	222		3.012.650.049.798	3.005.587.444.412
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.206.777.494.123)	(2.086.409.145.952)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	44.619.663.899	46.260.799.360
<i>Nguyên giá</i>	228		52.258.456.172	52.258.456.172
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.638.792.273)	(5.997.656.812)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>362.340.472.693</b>	<b>381.650.510.741</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	362.340.472.693	381.650.510.741
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>85.835.553.936</b>	<b>35.835.553.936</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6.251.145.800	6.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(415.591.864)	(415.591.864)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	80.000.000.000	30.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.872.838.636</b>	<b>41.903.970.769</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	56.727.540.072	40.506.907.445
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		145.298.564	1.397.063.324
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.241.291.766.251</b>	<b>2.542.062.278.319</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.500.853.228.693</b>	<b>889.484.000.758</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.440.364.167.405</b>	<b>830.164.499.328</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	155.563.394.124	79.897.011.378
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		113.306.128.230	32.098.997.430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	13.150.439.860	15.420.219.997
4. Phải trả người lao động	314		19.301.103.729	11.994.502.594
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	46.234.161.583	14.235.656.062
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34.618.142.675	15.788.475.720
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.048.621.892.008	651.871.052.871
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.568.905.196	8.858.583.276
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>60.489.061.288</b>	<b>59.319.501.430</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		29.481.350.589	30.230.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	6.335.000.000	2.735.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		24.672.710.699	26.354.501.430

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.740.438.537.558</b>	<b>1.652.578.277.561</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.722.144.512.539</b>	<b>1.632.189.935.025</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	745.479.930.000	745.479.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		745.479.930.000	745.479.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	601.739.479.783	599.425.354.251
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	152.397.664.703	67.604.105.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.975.456.764	38.000.719.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.422.207.939	29.603.385.981
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	31.072.105.252	28.225.212.573
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>18.294.025.019</b>	<b>20.388.342.536</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.22	565.461.000	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	17.728.564.019	20.388.342.536
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.241.291.766.251</b>	<b>2.542.062.278.319</b>

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý III		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	726.135.784.312	406.474.096.351	1.798.332.763.593	1.079.263.136.732
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	726.135.784.312	406.474.096.351	1.798.332.763.593	1.079.263.136.732
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	629.802.148.647	357.209.086.001	1.563.950.177.101	960.388.553.471
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.333.635.665	49.265.010.350	234.382.586.492	118.874.583.261
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.871.852.359	1.329.434.692	9.866.797.979	4.747.335.982
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	15.930.584.905	10.527.461.871	37.854.039.423	21.052.898.240
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.468.760.712</i>	<i>8.181.284.064</i>	<i>34.084.214.173</i>	<i>17.589.018.619</i>
8 Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	24		-	-	-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.941.771.908	17.120.874.633	46.775.382.844	44.684.397.394
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.947.077.579	14.215.385.490	54.153.585.071	40.377.735.433
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.386.053.632	8.730.723.048	105.466.377.133	17.506.888.176
12 Thu nhập khác	31		602.557.547	3.187.464.760	1.357.618.587	4.244.285.345
13 Chi phí khác	32		207.281.324	2.420.875.733	609.861.247	2.564.737.671
14 Lợi nhuận khác	40		395.276.223	766.589.027	747.757.340	1.679.547.674
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.781.329.855	9.497.312.075	106.214.134.473	19.186.435.850
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.365.201.537	698.775.439	13.083.358.511	2.823.203.253



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

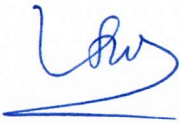
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	861.675.343	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.416.128.318	8.798.536.636	92.269.100.619	16.363.232.597
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		31.922.256.077	7.071.251.957	89.422.207.939	14.734.985.578
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.493.872.241	1.727.284.679	2.846.892.680	1.628.247.019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2023 đến 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		106.214.134.473	19.186.435.850
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		119.349.705.115	154.908.337.866
- Các khoản dự phòng	3		14.010.605.832	497.603.192
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(9.207.401.171)	(3.950.924.332)
- Chi phí lãi vay	6		34.084.214.173	17.589.018.619
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		264.451.258.422	188.230.471.195
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(33.177.619.871)	58.364.648.320
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(730.566.852.307)	(425.245.350.712)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		222.083.350.885	203.800.773.664
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(26.449.753.172)	(9.559.827.793)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.366.796.491)	(17.506.625.008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.810.910.958)	(8.583.819.439)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.918.058.000	584.129.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.034.387.731)	(7.095.052.861)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(348.953.653.223)</b>	<b>(17.010.653.634)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		11.712.432.662	(36.933.343.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		535.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.079.020.164	3.950.924.332
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35.673.547.174)</b>	<b>(32.982.418.676)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.654.779.351.356	888.802.391.892
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.254.428.512.219)	(859.006.078.098)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(397.566)	(432.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>400.350.441.571</b>	<b>29.795.881.069</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>15.723.241.174</b>	<b>(20.197.191.241)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>16.661.585.645</b>	<b>47.752.263.524</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>32.384.826.819</b>	<b>27.555.072.283</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.
- Công ty con:**

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 07 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	88	43,59
2. Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100	100
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nàng, Huyện Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
4. Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Cụm CN Thị Trấn Vạn Hà, Quốc lộ 45, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	100	100
5. Công ty TNHH 1TV Thành An – Lam Sơn	Thôn Làng May, Thọ Xương, Thọ Xuân, Thanh Hóa.	100	100
6. Công ty TNHH nông nghiệp CNC mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
7. Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2023/2024 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2023 đến 30 tháng 06 năm 2024.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle Netsuite).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## 1.1 **Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
  - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
  - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
  - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## 1.2 **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
  - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
  - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
  - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 1.3 **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 08 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Tiền thuê đất, thuê kho trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

### **12. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.604.196.522	623.559.292
Tiền gửi ngân hàng	10.890.609.796	9.066.026.464
Các khoản tương đương tiền	17.890.020.501	6.971.999.889
<b>Cộng</b>	<b>32.384.826.819</b>	<b>16.661.585.645</b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

#### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng:	203.136.150.291	152.894.582.384
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	90.637.785.000	81.406.080.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	112.498.365.291	71.488.502.384
Phải thu từ các bên liên quan	2.921.603.000	2.921.603.000
<b>Cộng</b>	<b>206.057.753.291</b>	<b>155.816.185.384</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	103.838.399.373	133.477.453.179
- Trả trước cho người bán tại XNNL	55.821.315.998	117.103.992.799
- Czarnikow Group Limited	10.095.850.297	-
- Trả trước cho người bán khác	37.921.233.078	16.373.460.380
Trả trước cho các bên liên quan	6.634.273.008	3.645.347.082
<b>Cộng</b>	<b>110.472.672.381</b>	<b>137.122.800.261</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khác	29.953.205.445	66.643.678.806
<b>Cộng</b>	<b><u>29.953.205.445</u></b>	<b><u>66.643.678.806</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	361.765.939.538	42.853.233.124
Công cụ, dụng cụ	449.311.332	1.991.795.708
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.760.026.332	36.052.628.136
Thành phẩm	1.072.598.856.874	640.377.491.697
Hàng hóa	13.639.775.740	42.562.799.888
Hàng gửi bán	190.891.044	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.494.404.800.860</u></b>	<b><u>763.837.948.553</u></b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.600.215.111	4.008.257.511
<b>Cộng</b>	<b><u>11.600.215.111</u></b>	<b><u>4.008.257.511</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.708.880.753	4.479.760.208
<b>Cộng</b>	<b><u>14.708.880.753</u></b>	<b><u>4.479.760.208</u></b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	324.491.301	520.101.460
<b>Cộng</b>	<b><u>324.491.301</u></b>	<b><u>520.101.460</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT. truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>781.628.934.745</b>	<b>2.122.641.238.594</b>	<b>67.668.914.381</b>	<b>22.064.090.328</b>	<b>11.584.266.364</b>	<b>3.005.587.444.412</b>
Tăng trong năm	2.390.233.656	7.286.363.813	1.810.526.312			11.487.123.781
<i>Mua sắm mới</i>		2.237.406.953	1.289.892.921			3.527.299.874
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	2.242.851.031	2.660.199.535	520.633.391			5.423.683.957
<i>Tăng khác</i>	147.382.625	2.388.757.325				2.536.139.950
Giảm trong năm	(1.409.229.400)	(1.221.380.555)		(473.908.440)		(3.104.518.395)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.409.229.400)	(1.221.380.555)		(473.908.440)		(3.104.518.395)
<i>Góp vốn vào công ty con</i>						(1.320.000.000)
Phân loại lại	(31.030.582.592)	29.574.495.223	136.087.369			(1.320.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>751.579.356.409</b>	<b>2.158.280.717.075</b>	<b>69.615.528.062</b>	<b>21.590.181.888</b>	<b>11.584.266.364</b>	<b>3.012.650.049.798</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>372.830.010.825</b>	<b>1.632.108.541.061</b>	<b>55.822.294.823</b>	<b>21.555.186.460</b>	<b>4.093.112.783</b>	<b>2.086.409.145.952</b>
Tăng trong năm	26.011.094.549	96.173.648.155	1.855.602.006	113.609.361	566.798.007	124.720.752.078
<i>Khấu hao trong năm</i>	26.011.094.549	96.173.648.155	1.855.602.006	113.609.361	566.798.007	124.720.752.078
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm	(1.392.000.975)	(1.166.494.492)		(473.908.440)		(3.032.403.907)
<i>Giảm do thoái vốn tại công ty con</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.392.000.975)	(1.166.494.492)		(473.908.440)		(3.032.403.907)
<i>Phân loại lại</i>	501.809.466	(1.300.625.464)	(521.184.002)			(1.320.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>397.950.913.865</b>	<b>1.725.815.069.260</b>	<b>57.156.712.827</b>	<b>21.194.887.381</b>	<b>4.659.910.790</b>	<b>2.206.777.494.123</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
<b>Số đầu năm tại ngày 01/07/2023</b>	<b>408.798.923.920</b>	<b>490.532.697.533</b>	<b>11.846.619.558</b>	<b>508.903.868</b>	<b>7.491.153.581</b>	<b>919.178.298.460</b>
<b>Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2024</b>	<b>353.628.442.544</b>	<b>432.465.647.815</b>	<b>12.458.815.235</b>	<b>395.294.507</b>	<b>6.924.355.574</b>	<b>805.872.555.675</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### 11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá:</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2023</b>	<b>36.921.984.980</b>	<b>15.336.471.192</b>	<b>52.258.456.172</b>
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ 31/03/2024</b>	<b>36.921.984.980</b>	<b>15.336.471.192</b>	<b>52.258.456.172</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2023</b>	<b>3.085.207.567</b>	<b>2.912.449.245</b>	<b>5.997.656.812</b>
Khấu hao trong năm	197.366.958	1.443.768.503	1.641.135.461
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ 31/03/2024</b>	<b>3.282.574.525</b>	<b>4.356.217.748</b>	<b>7.638.792.273</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
<b>Số đầu năm 01/07/2023</b>	<b>33.836.777.413</b>	<b>12.424.021.947</b>	<b>46.260.799.360</b>
<b>Số cuối kỳ 31/03/2024</b>	<b>33.639.410.455</b>	<b>10.980.253.444</b>	<b>44.619.663.899</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30.366.333.204	31.564.788.809
DA công viên sinh thái tre luồng Tam Thanh	269.950.834.999	267.825.331.456
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	47.080.667.024	47.186.522.063
Các công trình khác	14.942.637.466	35.073.868.413
<b>Cộng</b>	<b>362.340.472.693</b>	<b>381.650.510.741</b>

### 13. Đầu tư tài chính dài hạn

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Số cổ phần</u>
Công ty CP Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	2%	100.000	2%	100.000

Đơn vị tính: VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần</b>	<b>6.251.145.800</b>	<b>6.251.145.800</b>
<i>Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn-Như Xuân</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(415.591.864)</b>	<b>(415.591.864)</b>
<b>Cộng</b>	<b>85.835.553.936</b>	<b>35.835.553.936</b>

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	56.727.540.072	40.506.907.445
<b>Cộng</b>	<b>56.727.540.072</b>	<b>40.506.907.445</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Guangxi Nanning Qiaolong International Trading Co.,Ltd	8.418.946.226	8.507.301.864
Guangxi Laibin Pinguan Trade Group Co.,Ltd	6.159.033.605	6.312.578.510
Công ty CP phân bón Nhật Long	1.179.718.000	19.454.277.327
Công ty cổ phần XNK Hà Anh	15.872.130.800	13.294.591.800
Các nhà cung cấp khác	123.933.565.493	32.328.261.877
<b>Cộng</b>	<b>155.563.394.124</b>	<b>79.897.011.378</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số phải nộp	13.150.439.860	15.420.219.997
<b>Cộng</b>	<b>13.150.439.860</b>	<b>15.420.219.997</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri 5%

Sữa gạo, nước mía, điện, dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn, ăn uống 8%; 10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	46.234.161.583	14.235.656.062
<b>Cộng</b>	<b><u>46.234.161.583</u></b>	<b><u>14.235.656.062</u></b>

**18. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả phải nộp khác	34.618.142.675	15.788.475.720
<b>Cộng</b>	<b><u>34.618.142.675</u></b>	<b><u>15.788.475.720</u></b>

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.048.441.892.008	637.771.052.871
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	180.000.000	14.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b><u>1.048.621.892.008</u></b>	<b><u>651.871.052.871</u></b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.335.000.000	2.735.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.335.000.000</u></b>	<b><u>2.735.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### 21. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>595.170.023.237</b>	<b>91.991.983.572</b>	<b>27.699.352.840</b>	<b>1.606.316.692.450</b>
Lợi nhuận trong năm				29.603.385.981	525.859.733	30.129.245.714
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			4.255.331.014	(4.255.331.014)		-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(4.255.331.014)		(4.255.331.014)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	45.479.930.000			(45.479.930.000)		-
Tăng, giảm khác				(672.125)		(672.125)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>745.479.930.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>599.425.354.251</b>	<b>67.604.105.400</b>	<b>28.225.212.573</b>	<b>1.632.189.935.025</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>745.479.930.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>599.425.354.251</b>	<b>67.604.105.400</b>	<b>28.225.212.573</b>	<b>1.632.189.935.025</b>
Lợi nhuận trong kỳ				89.422.207.939	2.846.892.679	92.269.100.618
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.314.125.532	(2.314.125.532)		-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(2.314.125.532)		(2.314.125.532)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu						-
Tăng, giảm khác				(397.572)		(397.572)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>745.479.930.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>601.739.479.783</b>	<b>152.397.664.703</b>	<b>31.072.105.252</b>	<b>1.722.144.512.539</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	745.479.930.000	745.479.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>936.935.262.801</b>	<b>936.935.262.801</b>

### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.547.993	74.547.993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.547.993	74.547.993
- Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	74.547.993
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.547.993	74.547.993
- Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	74.547.993

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

### Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

## 22. Nguồn kinh phí và quỹ khác

### 22.1 Nguồn kinh phí

Số đầu năm	-
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.918.058.000
Chi trong kỳ	1.352.597.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>565.461.000</b>

### 22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	20.388.342.536
Tăng trong kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	2.659.778.517
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.728.564.019</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2023/2024****1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	608.724.238.383	354.792.214.349
Doanh thu bán hàng hóa	114.831.885.230	49.425.401.487
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.579.660.699	2.256.480.515
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>726.135.784.312</b>	<b>406.474.096.351</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	507.750.721.896	304.046.235.677
Giá vốn của hàng hóa đã bán	112.387.468.260	50.555.304.844
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.663.958.491	2.607.545.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>629.802.148.647</b>	<b>357.209.086.001</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.753.256.065	291.278.143
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.118.596.294	1.038.156.549
<b>Cộng</b>	<b>3.871.852.359</b>	<b>1.329.434.692</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	14.468.760.712	8.181.284.064
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	791.321.901	
Chi phí tài chính khác	670.502.292	2.346.177.807
<b>Cộng</b>	<b>15.930.584.905</b>	<b>10.527.461.871</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### 5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	5.831.324.049	4.720.478.358
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.947.945	46.322.110
Chi phí khấu hao TSCĐ	658.660.975	754.699.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.407.838.287	8.774.740.364
Chi phí bán hàng khác	10.863.000.652	2.824.634.327
<b>Cộng</b>	<b>21.941.771.908</b>	<b>17.120.874.633</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.906.819.594	5.856.456.644
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.543.201.374	2.700.301.705
Chi phí dự phòng	2.370.025.628	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.857.857.450	2.362.865.512
Chi phí khác	5.269.173.533	3.295.761.629
<b>Cộng</b>	<b>21.947.077.579</b>	<b>14.215.385.490</b>

## VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 01/07/2023 và 31/03/2024 số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	4.987.485.936	-
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	67.757.562.500	70.226.382.137
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	-	13.642.974.492

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	2.605.193.269	3.114.075.681
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	7.857.594.454	7.089.725.495
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	-	28.500.000.000

### VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024 doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 91,4% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 8,6%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Công ty con được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024- 31/03/2024	Từ 01/01/2023- 31/03/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.416.128.318	8.798.536.636
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	31.922.256.077	7.071.251.957
Số lượng cổ phiếu phát hành	74.547.993	74.547.993
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	74.547.993	74.547.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	428	95

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/07/2023
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	57,16	43,95
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	42,84	56,05
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	37,18	34,99
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	61,8	63,90
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,02	1,11
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,16	2,86
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,29	1,35
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,02
Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/07/2023- 31/03/2024	Từ 01/07/2022- 31/03/2023
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,91	1,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,13	1,52
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,28	0,75
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,85	0,64
<b>Tỷ suất LNST của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>5,36</b>	<b>1,00</b>

### XI. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG SO VỚI CÙNG KỲ

#### 1. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý III kết thúc ngày 31/03/2024 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024) là 35.416.128.318 đồng tăng 26.617.591.682 đồng so với cùng kỳ năm 2022/2023, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau :

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03			
		Năm nay (đồng)	Năm trước (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	726.135.784.312	406.474.096.351	319.661.687.961	78,6%
2	Giá vốn hàng bán	629.802.148.647	357.209.086.001	272.593.062.646	76,3%
3	LN gộp về BH và CCDV	96.333.635.665	49.265.010.350	47.068.625.315	95,5%
4	Tỷ suất LN gộp/doanh thu	13,3%	12,1%	1,1%	9,5%
5	Doanh thu tài chính	3.871.852.359	1.329.434.692	2.542.417.667	191,2%
6	Chi phí tài chính	15.930.584.905	10.527.461.871	5.403.123.034	51,3%
7	Chi phí bán hàng	21.941.771.908	17.120.874.633	4.820.897.275	28,2%
8	Chi phí quản lý	21.947.077.579	14.215.385.490	7.731.692.089	54,4%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.416.128.318	8.798.536.636	26.617.591.682	302,5%

**Nguyên nhân :**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý III năm 2023/2024 tăng 78,6%; trong khi giá vốn chỉ tăng 76,3% so với cùng kỳ năm trước; Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu tăng 9,5% Dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 47.068.625.315 đồng tương đương tăng 95,5% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 191,2%, trong khi chi phí tài chính chỉ tăng 51,3% do đơn vị huy động thêm nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.

Doanh thu thuần tăng 78,6% tuy nhiên chi phí bán hàng chỉ tăng 28,2% và chi phí quản lý chỉ tăng 54,4% so với cùng kỳ năm trước. Dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 26.617.591.682 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2024

**Người lập biểu****Nguyễn Thị Tú****Kế toán trưởng****Đỗ Thị Thanh Hà****Tổng giám đốc****Lê Văn Phương**